

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2023/HS-PT

Ngày: 30/3/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Phước Thanh**

Các thẩm phán: Ông **Phạm Việt Cường**

Ông **Phạm Văn Hợp**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Văn Phong**, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông **Đặng Thọ Định**, Kiểm sát viên.

Vào ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 421/2022/TLPT-HS ngày 03 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo Vũ Văn D về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 81/2022/HS-ST ngày 09/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Bị cáo có kháng cáo:

Vũ Văn D, sinh năm 1978, tại Thái Bình; nơi ĐKKHKT: tỉnh Thái Bình; chỗ ở hiện nay: phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Kinh doanh, Kế toán; học vấn: 12/12; con ông Vũ Văn Đ (chết) và bà Vũ Thị T (1955); Vợ Bùi Thị T (1978); Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/11/2017 đến ngày 08/02/2018 bị cáo được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú- Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo:

+ Luật sư Trần Văn T; Văn phòng luật sư T, Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: 2/8 Cao Thắng, phường 5, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh- Có mặt.

+ Luật sư Trần Quốc Tuấn; Văn phòng luật sư Trần Quốc Tuấn, Đoàn luật sư tỉnh Khánh Hòa. Địa chỉ: phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa- Có mặt.

- *Bị hại*: Công ty cổ phần đầu tư và phát triển L

Địa chỉ trụ sở: Khu đô thị mới P, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến H - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Trần H - sinh năm 1989; địa chỉ: Khu đô thị mới P, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa- Có mặt.

2. Ông Nguyễn Tiến Đ - sinh năm 1977; địa chỉ: thành phố N, tỉnh Khánh Hòa- Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Tiến H, sinh năm 1980; địa chỉ: Thành phố Hà Nội.

2. Ông Đoàn Văn M, sinh năm 1958; Nơi ĐKKHKT: tỉnh Hưng Yên; chỗ ở: tỉnh Hà Giang.

3. Ông Trần Minh Đ, sinh năm 1981; địa chỉ: thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền của các ông Nguyễn Tiến H, Đoàn Văn M, Trần Minh Đ: ông Phạm Trung H - sinh năm 1984; địa chỉ: thành phố Hà Nội- Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển L (viết tắt là Công ty L) có trụ sở tại 26 L, P, N, Khánh Hòa được đăng ký thành lập vào tháng 3/2014. Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh chủ yếu trong lĩnh vực bất động sản và nhiều ngành nghề khác. Công ty do 04 cổ đông sáng lập, gồm:

1. Nguyễn Tiến H góp 5.832.000.000 đồng, chiếm 19,44% vốn điều lệ.
2. Đoàn Văn M góp 4.050.000.000 đồng, chiếm 13,5% vốn điều lệ.
3. Trần Minh Đ góp 3.240.000.000 đồng, chiếm 10,8% vốn điều lệ.
4. Vũ Văn D góp 3.078.000.000 đồng, chiếm 10,26% vốn điều lệ.

Trong thời gian từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015, Vũ Văn D là Chủ tịch Hội đồng quản trị, kiêm Tổng giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của Công ty L, được Hội đồng quản trị Công ty tín nhiệm giao là chủ tài khoản Công ty, bản thân D biết khi thu tiền mặt của khách hàng thì phải nhập quỹ Công ty và chi tiêu phải có hóa đơn chứng từ hợp pháp. Tuy nhiên khi được giao nhiệm vụ trong quá trình quản lý việc kinh doanh của Công ty L, lợi dụng sự tín nhiệm của Hội đồng quản trị, D

không thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty và Hội đồng quản trị mà đã tự viết phiếu thu tiền, tự ký và đóng dấu của Công ty L để nhận tiền mặt trực tiếp từ khách hàng, kế toán hoặc Giám đốc sản giao dịch bàn giao, sau đó không nộp tiền về cho Công ty mà chiếm đoạt với tổng số tiền là 5.648.214.399 đồng sử dụng vào mục đích cá nhân.

Tại Kết luận giám định tài chính ngày 27/02/2017 và Công văn giải thích của Giám định viên tư pháp thuộc lĩnh vực tài chính – kế toán ngày 28/8/2018 đã xác định: Tính đến thời điểm 30/6/2015 chênh lệch thu chi là 5.648.214.399 đồng, trách nhiệm này thuộc về ông Vũ Văn D.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 81/2022/HS-ST ngày 09/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 175; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Vũ Văn D 12 (*mười hai*) năm tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, nhưng trừ thời gian tạm giam từ ngày 16/11/2017 đến ngày 08/02/2018.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về vấn đề bồi thường thiệt hại, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 12/8/2022 bị cáo Vũ Văn D có đơn kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Vũ Văn D giữ nguyên kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án như sau: Hành vi của bị cáo Vũ Văn D bị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 4 Điều 175 là đúng người, đúng tội và xử phạt bị cáo 12 năm tù là phù hợp. Do đó, đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Vũ Văn D cho rằng:

+ Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa kết luận và truy tố bị cáo Vũ Văn D không có tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần nhưng tại phiên tòa sơ thẩm Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị áp dụng phạm tội nhiều lần và Tòa án sơ thẩm áp dụng tình tiết “*phạm tội 02 lần trở lên*” đối với bị cáo D là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

+ Bản án sơ thẩm kết án bị cáo chiếm đoạt 5.648.214.399 đồng là không đúng; vì thực tế bị cáo đã sử dụng số tiền này vào mục đích chung của Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển L nhưng không có chứng từ chi là sai nguyên tắc tài chính chứ không chiếm đoạt. Hơn nữa, kết luận cho rằng bị cáo chiếm đoạt từ ngày 01/01/2025 đến

ngày 30/6/2025; là thời gian chưa thực hiện quyết toán năm tài chính nên không có căn cứ xác định bị cáo chiếm đoạt số tiền 5.648.214.399 đồng.

+ Việc Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển L mua lại cổ phần của ông D với giá 3.078.000.000 đồng như giá trị vốn góp ban đầu là không phù hợp với giá trị thực và vi phạm Luật doanh nghiệp.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển L (Đăng ký lần đầu: ngày 24/3/2014) và các giấy xác nhận góp vốn của Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển L đối với các cổ đông sáng lập Nguyễn Tiến H (góp 5.832.000.000 đồng), Đoàn Văn M góp (4.050.000.000 đồng), Trần Minh Đ (góp 3.240.000.000 đồng); phù hợp với các chứng từ chuyển tiền và phù hợp với các lời khai của bị cáo Vũ Văn D: “Đầu tiên chúng tôi thỏa thuận vốn pháp định đăng ký là 30 tỷ đồng nhưng khi thành lập xong mỗi người đóng góp được như sau: Nguyễn Tiến H đóng 5.832.000.000 đồng, Đoàn Văn M đóng 4.050.000.000 đồng, Trần Minh Đ đóng 3.240.000.000 đồng và tôi góp 3.078.000.000 đồng”. Vì vậy, HĐXX có cơ sở xác định số tiền 3.078.000.000 đồng mà bị cáo Vũ Văn D đã góp vốn là tài sản của Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển L và số tiền 3.078.000.000 đồng không phải là tài sản cá nhân của bị cáo. Cho nên, việc bị cáo Vũ Văn D cho rằng tài sản của Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển L là của bị cáo và bị cáo có quyền sử dụng theo ý chí cá nhân là không có căn cứ và không đúng; Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: “Đối với khoản tiền bị cáo cho các cổ đông mượn, nếu có thì cũng là giao dịch dân sự giữa cá nhân với cá nhân” là đúng quy định của pháp luật.

[2] Theo lời khai của bị cáo D thì trong thời gian điều hành hoạt động của Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển L, bị cáo Hợp đồng thuê xe ô tô Luxes BKS 29A-424.89 của bà Vũ Thị Châm mỗi tháng là 90 triệu đồng/tháng để đi lại từ ngày 02/5/2014. Tuy nhiên, báo cáo tài chính của Công ty L vào các năm 2014 và năm 2015 không thể hiện chi phí này; Hợp đồng bảo hiểm xe ô tô Luxes BKS 29A-424.89 do bị cáo xuất trình mang tên chủ sở hữu là Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển L, không phải của bà Vũ Thị Châm như lời hai của bị cáo. Hơn nữa, tại Biên bản ghi lời khai ngày 27/5/2016, bị cáo D khai đang sử dụng xe ô tô Luxes BKS 29A-424.89, từ chối cung cấp tên chủ sở hữu vì cho rằng chiếc xe ô tô Luxes BKS 29A-424.89 này không liên quan đến Công ty L: “Tôi đang sử dụng xe ô tô Luxes biển số BKS 29A-424.89...tôi từ chối cung cấp vì theo tôi chiếc xe này không liên quan đến vụ án của công ty L mà cơ quan điều tra đang thụ lý”. Vì vậy, không có căn cứ để xem xét đối với hợp đồng cho thuê xe này.

[3] Theo các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển L và Điều lệ Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển L thì bị cáo Vũ Văn D là Tổng giám đốc, điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty nhưng trong quá trình điều hành từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015, bị cáo đã lợi dụng sự tin tưởng của Công ty: trực tiếp viết phiếu thu; tự thu tiền của khách hàng và trực tiếp nhận tiền mặt từ nhân viên kinh doanh của Công ty; tự ý sử dụng số tiền đã nhận vào mục đích cá nhân mà không được sự thống nhất của Hội đồng quản trị công ty và không có hóa đơn, chứng từ, hạch toán vào sổ sách kế toán. Việc làm trên của bị cáo Vũ Văn D đã được Báo cáo tài chính năm 2015 (*đã được kiểm toán độc lập ngày 25/11/2016*) phản ánh và đã được Kết luận giám định tài chính ngày 27/02/2017 cũng như Công văn giải thích của Giám định viên tư pháp thuộc lĩnh vực tài chính – kế toán ngày 28/8/2018, xác định: Tính đến thời điểm 30/6/2015 chênh lệch thu chi quỹ tiền mặt là 5.648.214.399 đồng (*Tồn quỹ tiền mặt 6.194.528.764 đồng – tồn quỹ thực tế 145.000 đồng – chi có chứng từ chi từ quỹ tiền mặt đã hạch toán chi phí 546.169.365 đồng*); số tiền chênh lệch 5.648.214.399 đồng, D không giải trình được nguyên nhân chênh lệch và “*trách nhiệm này thuộc về ông Vũ Văn D*”. Kết luận giám định tài chính ngày 27/02/2017, phù hợp với lời khai thừa nhận của bị cáo Vũ Văn D: “*Khách hàng mua đất thường thanh toán qua tài khoản của công ty hoặc thanh toán trực tiếp tiền mặt cho nhân viên sàn giao dịch là Luân (giám đốc sàn giao dịch). Nhận tiền xong Luân sẽ giao cho thủ quỹ là Nguyễn Thị Thoan hoặc giao cho tôi để tôi nộp vào tài khoản của công ty. Từ đầu năm 2015 đến tháng 6/2015 ...tôi đứng ra trực tiếp thu tiền và viết phiếu thu cho khách...thời gian này tôi đã tự thu của khách tổng số tiền hơn 6 tỷ đồng...Số tiền này đứng ra tôi phải đem nộp vào tài khoản của công ty nhưng ...tôi không nộp mà đem cất vào két sắt công ty do tôi quản lý. Số tiền này tôi đã tự chi tiêu không có chứng từ...*” và “*về nội dung việc thu tiền mặt và người thu tiền tại các phiếu thu cũng như trong bảng kê tôi thừa nhận là đúng...*”.

Bên cạnh đó, sau khi tự thu tiền của Công ty L; bị cáo D đã chuyển số tiền thu được về tài khoản cá nhân của bị cáo và gửi tiết kiệm tại Ngân hàng SHB như lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra: “*tháng 5/2015 tôi đã 3 lần chuyển tiền từ tài khoản của công ty L tại X com bank, B, E về tài khoản của cá nhân tôi tại Ngân hàng B Khánh Hòa ...*” và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo cũng đã thừa nhận việc chuyển tiền của Công ty L vào tài khoản cá nhân của bị cáo Vũ Văn D nhiều lần như lời khai thừa nhận tại cơ quan điều tra. Đồng thời, để che đậy mục đích chiếm đoạt, bị cáo Vũ Văn D đã lập giả “*Biên bản thỏa thuận về việc góp vốn và điều hành công ty*” đề ngày 06/4/2014 (*thực chất là vào ngày 21/5/2015*) có nội dung tiền, tài sản Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển L là của bị cáo. Biên bản thỏa thuận này đã được Kết luận giám định số 1228/GĐ-PC54 ngày 06/6/2016 xác định các chữ ký của các cổ đông là giả mạo và lời khai thừa nhận của bị cáo về việc làm giả biên bản thỏa thuận

ngày 06/4/2014 này được lập sau khi bị cáo chiếm đoạt và trước khi các thành viên Công ty L tố cáo : *“Đối với số tiền hơn 6 tỷ đồng tôi đã chi tiêu hết mà không giải trình được, do vậy tôi đã tự lập ra một Biên bản thỏa thuận về việc góp vốn và điều hành công ty. Bản này tôi tự làm vào thời điểm cuối tháng 5/2015 nhưng tôi ghi trên đó là ngày 6/4/2014...”*. Đồng thời, sau khi vụ án bị phát hiện; bị cáo Vũ Văn D đã có các lời khai gian dối để đối phó về chứng từ và tiền tại Công ty L và che dấu hành vi chiếm đoạt: *“Tất cả các chứng từ chi tôi đều có nhưng bên công ty L đến công ty tại 26 L lấy đi hết”* và sau khi Bản án phúc thẩm số 04/2017/KDTM-PT ngày 04/01/2017 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Đà Nẵng xác định các ông Nguyễn Tiên H, Đoàn Văn M và Trần Minh Đ đã góp vốn vào Công ty L thì bị cáo mới thừa nhận *“lúc đó lo lắng không giải trình được số tiền đã chi tiêu trước đó nên tôi phải khai là bị chiếm đoạt sổ sách và mất tiền. Thật ra sổ sách tôi vẫn giữ và tôi không bị mất tiền”*; đã thể hiện động cơ chiếm đoạt của bị cáo. Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm nhận định cho rằng bị cáo chiếm đoạt 5.648.214.399 đồng của Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển L và kết án bị cáo Vũ Văn D, về tội *“Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”* theo quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ và đúng pháp luật.

Ý kiến của Luật sư bào chữa không có căn cứ để chấp nhận; vì lẽ:

+ Tòa án sơ thẩm áp dụng tình tiết *“phạm tội 02 lần trở lên”* đối với bị cáo D là đúng theo quy định của Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Như đã nhận định trên, bị cáo có ý thức chiếm đoạt số tiền 5.648.214.399 đồng và ngoài lời khai của bị cáo D về việc bị cáo sử dụng số tiền này vào mục đích chung của Công ty L thì không có chứng từ, tài liệu hoặc chứng cứ nào khác chứng minh.

+ Việc Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển L mua lại cổ phần của ông D với giá 3.078.000.000 đồng như giá trị vốn góp ban đầu là theo thỏa thuận giữa bị cáo với Công ty L. Hơn nữa, Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển L việc mua lại cổ phần của bị cáo D với giá 3.078.000.000 đồng là để nhằm tạo điều kiện cho bị cáo D khắc phục hậu quả thiệt hại và được giảm nhẹ hình phạt.

[4] Bị cáo Vũ Văn D phạm tội theo quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 là tội phạm đặc biệt nghiêm trọng; có mức hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm và số tiền bị cáo chiếm đoạt lớn gấp nhiều lần số tiền định khung hình phạt *“trị giá 500.000.000 đồng trở lên”*. Đồng thời, trường hợp phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp *“phạm tội 02 lần trở lên”* theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Do đó, với mức hình phạt 12 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm quyết định đối với bị cáo là đã có chiều cố và không nặng.

[5] Từ các nhận định trên, HĐXX cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Văn D và bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên cấp phúc thẩm không xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Văn D và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 175; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Vũ Văn D 12 (mười hai) năm tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, nhưng trừ thời gian tạm giam từ ngày 16/11/2017 đến ngày 08/02/2018.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự và về án phí sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo Vũ Văn D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Phước Thanh